

Số: 151/2025/QĐST- HNGĐ

Hưng Yên, ngày 19 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 228/2025/TLST – HNGĐ, ngày 04/12/2025 về việc xin ly hôn, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/12/1985. Trú tại: Thôn H, xã C, tỉnh Hưng Yên. CCCD số 033085001088.

**2. Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 17/7/1989. Trú tại: Thôn H, xã C, tỉnh Hưng Yên. CCCD số 034189012670.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/12/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị N.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về con chung:** Giao cháu cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 27/02/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu D thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T và chị N không đề nghị tòa án đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh T có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

**2.2. Về con riêng:** Anh T và chị N khẳng định tự có trách nhiệm với con riêng, nên đều không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết.

**2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Anh T và chị N đều không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

**2.3. Về án phí:** Anh Nguyễn Văn T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và được chi N nhất trí. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0003801, ngày 04/12/2025, nên anh T được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 – Hưng Yên.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 3 – Hưng Yên;*
- *UBND xã Chí Minh – tỉnh Hưng Yên ;*
- *Phòng THADS Khu vực 3 – Hưng Yên;*
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**THẨM PHÁN**

**NGUYỄN NGỌC THĂNG**